TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2019
"*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đước
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Xuân Lập
2. Bà Phạm Thị Thanh Mai.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Tống Mạnh Hà - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hạ Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Phương Huyền, kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 770/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2018 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐXX-ST ngày 06/8/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Chị **Phạm Thị T**
Địa chỉ: Tổ 2, khu 9, phường H , Thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

2. ***Bị đơn***: Anh **Nguyễn Đức T**
Địa chỉ: Tổ 2, khu 9, phường H, Thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27/9/2018 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/1996 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình. Trước khi kết hôn vợ chồng chị có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2011 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu không tu chí làm ăn, về nhà không quan tâm đến vợ con. Chị cũng đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T vẫn không thay đổi, chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có sự chia sẻ, gánh nặng gia đình dồn hết vào chị, đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn. Anh chị cũng sống ly thân nhau khoảng 4 năm, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con là Nguyễn Thị Hà P, sinh ngày 31/5/1997 và Nguyễn Kiều O, sinh ngày 04/9/2003.

Chị T đề nghị Tòa án giải quyết giao con Nguyễn Kiều O cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên, chị không yêu cầu anh Tiến phải cấp dưỡng nuôi con chung, còn con Nguyễn Thị Hà P đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức T trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, triệu tập, tống đạt các văn bản pháp luật theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và thông tin cho anh Nguyễn Đức T. Đồng thời nguyên đơn chị T cũng nhiều lần thông tin cho anh T đến Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long để tham gia giải quyết việc ly hôn. Nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do và không thể hiện quan điểm của mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chấp hành tốt qui định, bị đơn chưa chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ theo qui định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức T. Giao con chung Nguyễn Kiều O, sinh ngày 04/9/2003 cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đế tuổi thành niên, anh Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị T khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long yêu cầu giải quyết ly hôn anh Nguyễn Đức T. Quan hệ pháp luật trong vụ án này là "tranh chấp về hôn nhân và gia đình". Thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Đức T không đến hợp tác để làm việc với Tòa án, không ký các biên

bản hòa giải, không nhận và ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã làm đúng thủ tục tố tụng, tống đạt và niêm yết tại địa phương. Tại phiên toà hôm nay anh T vắng mặt. Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án khi vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đ Tiến kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/1996 tại ủy ban xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì mâu thuẫn đã xảy ra, nguyên nhân do anh T hay uống rượu, thường bỏ đi chơi lang thang, không tu chí làm ăn chăm lo gia đình, tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị T đã đến mức trầm trọng hai bên đã sống ly thân nhau khoảng 4 năm thời gian kéo dài cho đến nay đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T khởi kiện ly hôn anh T là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Đức T có hai con chung là Nguyễn Thị Hà P, sinh ngày 31/5/1997 và Nguyễn Kiều O, sinh ngày 04/9/2003, từ trước đến nay vẫn do chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết giao con Nguyễn Kiều O cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi thành niên, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, con Nguyễn Thị Hà P đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử thấy, quá trình giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Kiều O có lời khai mong muốn được tiếp tục sống cùng với mẹ nếu bố mẹ ly hôn và lời đề nghị của chị T được nuôi con. Để đảm bảo mọi mặt quyền lợi của con, sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần, nên giao cháu O cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên, là có cơ sở theo qui định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự xác nhận không có tài sản chung, không vay nợ chung cá nhân hay tổ chức nào, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Phạm Thị T phải nộp án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

<u>Căn cứ vào</u>:

Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Phạm Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Kiều O, sinh ngày 04/9/2003 cho chị chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000274 ngày 09/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long.

Nguyên đơn chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Đức T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP. Hạ Long;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Chi cục THADS TP. Hạ Long;*
- *UBND xã B;*
- *Lưu hồ sơ; VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Đước